TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 337/2022/DS-PT
Ngày 21-11-2022
V/v: tranh chấp
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Lê Thị Thúy Bình;
bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10549/2022/QĐPT-DS ngày 07-11-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đinh Văn S sinh năm 1950; trú tại: thôn TK, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* anh Đinh Trung H1 sinh năm 1968 và chị Nguyễn Thị H2 sinh năm 1972; đều trú tại: nhà số x, tổ y, phường TB, thành phố TD, tỉnh Ninh Bình. Anh H1 có mặt, chị H2 đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà An Thị N sinh năm 1940; trú tại: thôn KV, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Chị Đinh Thị A sinh năm 1970; trú tại: đường NT, thôn ĐH, xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Anh Đinh Duy B sinh năm 1972; trú tại: phố ĐN, thị trấn TT, huyện HL, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Ủy ban nhân dân thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Đinh Văn C sinh năm 1947; trú tại: SN x phố BN, phường ND, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt.

+ Ông Đinh Tiền D trú tại: SN x ngõ y đường HD, phường ĐT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Bà Lê Thị E sinh năm 1955; các ông Đinh Văn F sinh năm 1981; Đinh Văn K, bà Đinh Thị P sinh năm 1956; ông Đinh Văn Q sinh năm 1975; bà Lê Thị R sinh năm 1953 và bà Phạm Thị U sinh năm 1974; đều trú tại: thôn TK, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Bà U vắng mặt; các đương sự khác có mặt.

+ Ông Đinh Phương V sinh năm 1972 và bà Bùi Hương Y sinh năm 1980; trú tại: thôn H, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; đều có mặt.

+ Ông Đinh Văn X sinh năm 1975; trú tại: thôn N, xã NX, huyện HL, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Bà Đàm Thị G sinh năm 1970; ông Đinh Văn I sinh năm 1961; bà Lê Thị L sinh năm 1963; bà Đinh Thị Z1 sinh năm 1955 và bà Đinh Thị Z2; đều trú tại: thôn KV, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình và đều có mặt.

+ Bà Đỗ Thị Thanh O sinh năm 1958; trú tại: số nhà x, ngõ y, đường KD, phố PH, phường PT, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn là anh Đinh Trung H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà An Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - ông Đinh Văn S trình bày: nhà thờ Chi 2 họ Đinh tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là Chi 2 họ Đinh) được xây dựng từ năm 1919 trên phần đất được thể hiện tại tờ bản đồ 6b, số thửa 712, diện tích 297 m^2 xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình lập năm 1986 (sau đây viết tắt là thửa 712). Trong đó có 177 m^2 đất thổ cư (trên đất có 03 gian nhà thờ và sân); 120 m^2 thổ canh (đất vườn). Toàn bộ diện tích đất thửa 712 đều mang ký hiệu đất Tôn giáo. Sổ mục kê của Ban quản lý ruộng đất Hợp tác xã KV năm 1986 thửa 712 mang tên đất Tôn giáo. Năm 1997, ông Đinh Văn N1 tự ý kê khai thửa đất 712 là đất ở của gia đình ông N1 xóa mất ký hiệu Tôn giáo trên bản đồ mang tên N1. Năm 2006, ông Đinh Văn N1 hợp thửa đất 712 với thửa đất 701 của nhà ông N1 thành thửa số 184 với tổng diện tích 665,1 m^2 tại tờ bản đồ 30. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên Đinh Văn N1 và vợ là An Thị N do Ủy Ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố NB cấp ngày 04-5-2008. Đến ngày 17-10-2008, thửa đất 184 tờ bản đố số 30 diện tích 665,1 m^2 lại được tách thành 02 thửa. Bao gồm: thửa đất 184a diện tích 468,3 m^2 cho con trai là Đinh Trung H1 vợ là Nguyễn Thị H2; thửa đất 184 diện tích là 186,8 m^2 mang tên Đinh Văn N1 và An Thị N. Toàn bộ diện tích 297 m^2 thửa 712 là đất nhà thờ Chi 2 họ Đinh nằm trong GCNQSDĐ mang tên Đinh Trung

H1 và Nguyễn Thị H2 thửa đất 184a diện tích 468,3 m^2.

Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: buộc vợ chồng anh H1, chị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích 297 m^2 có nguồn gốc là thửa đất 712, tờ bản đồ số 6, xã NN năm 1986; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn N1 và An Thị N tại thửa đất 184 tờ bản đồ 30 thuộc bản đồ địa chính xã NN diện tích 665,1 m^2 do UBND thành phố NB cấp ngày 04-5-2008; hủy GCNQSDĐ theo quyết định số 2515/QĐ-UBND của UBND thành phố NB ngày 17-10-2008 tại thửa 184 tờ bản đồ số 30 diện tích 186,8 m^2 mang tên Đinh Văn N1 và An Thị N; hủy GCNQSD đất theo quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 17-10-2008 tại thửa đất 184a tờ bản đồ số 30 diện tích 468,3 m^2 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2.

Nguyên đơn trình bày: các ngày 09-4-2018, 21-02-2018 và ngày 22-12-2018, toàn thể các thành viên trong Chi 2 họ Đinh đã họp và thống nhất với nội dung khởi kiện của nguyên đơn đồng thời xác định năm 2017, thôn T, xã NN tiến hành mở rộng đường đổ bê tông nên diện tích đất theo bản đồ cũ thửa 712 không còn đủ mà thiếu mất 28 m^2. Tổng diện tích đất còn lại là 269 m^2. Trên phần đất của thửa 712 đã xây dựng một ngôi nhà mái bằng, hiện nay gia đình bà N đang sử dụng với diện tích 60 m^2 phần đất phía Bắc của nhà thờ là nhà cũ của bà N đã hư hỏng không có người ở. Do đó, các thành viên trong Chi 2 họ Đinh đều nhất trí hoán đổi toàn bộ đất phía Nam nhà thờ về phía Bắc nhà thờ cho chi 2 họ Đinh, buộc vợ chồng anh H1, chị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích 269 m^2 tại thửa đất 184a tờ bản đồ số 30 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2.

Bị đơn - anh Đinh Trung H1 trình bày: năm 2006, bố, mẹ đẻ anh H1 là ông Đinh Văn N1 và bà An Thị N (ông N1 khi đó còn tỉnh táo và minh mẫn) đã cho vợ chồng anh H1, chị H2 mảnh đất và đã được GCNQSD hợp pháp. Vợ chồng anh H1, chị H2 đang quản lý, sử dụng và không có tranh chấp với ai. Việc ông S khởi kiện buộc vợ chồng anh H1, chị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích 269 m^2 tại thửa đất 184a tờ bản đồ số 30 và đề nghị hủy GCNQSD đất của vợ chồng anh H1, chị H2 là không thể chấp nhận được.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị H2 trình bày:

Chị H2 và anh H1 kết hôn năm 1991, chị H2 được bà nội chồng và bố mẹ chồng chị H2 kể chuyện lại đây là mảnh đất gia đình được ông bà tổ tiên để lại vì bố chồng chị H2 là con trai trưởng. Khu vực "nhà thờ" là khu vực sinh hoạt chung của gia đình nhà chồng chị H2. Gian giữa để bàn thờ, hai bên để bàn ghế và giường ngủ. Tên gọi "nhà thờ" là tự gia đình gọi thế chứ không phải là khu vực thờ cúng của Chi 2 họ Đinh như ông S khởi kiện. Năm 1993, mẹ chồng chị H2 (bà An Thị N) có sửa chữa nhà. Mọi kinh phí đều do bố mẹ chồng chị H2 tự lo, không hề có sự tham gia góp công sức của bất kỳ người nào trong Chi 2 họ Đinh. Trước khi chia tách thửa đất mang tên Đinh Văn N1 và An Thị N. Các nghĩa vụ thuế đất, bố mẹ chồng chị H2 luôn thực hiện đầy đủ. Năm 2006, bố mẹ chồng chị H2 có làm đơn chia tách đất cho vợ chồng chị H2 sử dụng riêng và đã được chính quyền các cấp có thẩm quyền xem xét cấp GCNQSD đất. Các thủ

tục pháp lý về thửa 184a diện tích 468,3 m^2 mang tên vợ chồng chị H2 theo đúng quy định của pháp luật. Nay ông S khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng anh H1, chị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích 269 m^2 tại thửa đất 184a tờ bản đồ số 30 và đề nghị hủy GCNQSD đất mang tên vợ chồng chị H2 là hoàn toàn không có căn cứ. Chị H2 đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà An Thị N trình bày:

Về nguồn gốc đất: quyền sử dụng đất diện tích 297 m^2 (trong đó thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2) thửa 712 tờ bản đồ 6b xã NN năm 1986 là của bà An Thị N và chồng là ông Đinh Văn N1. Nguồn gốc đất trên là đất do ông cha để lại, chồng bà N là ông Đinh Văn N1 (sinh năm 1934, mất năm 2009) được thừa kế quyền sử dụng đất, bà N là vợ của ông N1 từ năm 1959, vợ chồng bà N cùng nhau xây dựng phát triển bồi trúc, sử dụng đất hợp pháp, không tranh chấp với ai. Hồ sơ địa chính năm 1986, Bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thể hiện thửa số 712 diện tích 297 m^2 bao gồm 120 m^2 đất thổ canh, 177 m^2 đất thổ cư, loại đất Tôn giáo là do lúc đó trên đất có nhà thờ và ông N1 kê khai là đất Tôn giáo để được miễn thuế sử dụng đất. Loại đất Tôn giáo cũng không có nghĩa đó là đất của Chi 2 họ Đinh. Hồ sơ địa chính năm 1997, Bản đồ và sổ mục kê năm 1997 thể hiện thửa số 712, diện tích 297 m^2 đất ở đều mang tên ông N1. Hồ sơ địa chính năm 2006, 2009, quyền sử dụng đất trên được gộp lại trong phần diện tích gia đình bà N đang sử dụng tại tờ số 30, thửa số 184, diện tích 665,1 m^2 gồm 278,2 m^2 đất ở và 386,9 m^2 đất vườn, mang tên ông N1. Từ năm 2006 đến năm 2017, việc nộp thuế sử dụng đất đối với vị trí đất gia đình bà N đang sử dụng do bà N nộp. Do vậy, bà N không đồng ý với yêu cầu của Chi 2 họ Đinh về việc đòi quyền sử dụng đất diện tích 297 m^2 (trong đó thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2) thửa 712 tờ bản đồ 6B xã NN mà Chi 2 họ Đinh mà hiện tại vợ chồng anh H1, chị H2 đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc nhà thờ: trên thượng lương của nhà thờ thể hiện rõ: "Tứ niên tuế thứ Kỷ Mùi, bát nguyệt sơ lục nhật, thụ trụ thượng lương đại cát". Dịch ra thì nhà thờ được xây dựng ngày 06-8-1919 năm Kỷ Mùi, đời vua Khải Định năm thứ 4. Thượng lương này không ghi dòng chữ nào là Đinh Tộc hay Đinh Phái. Điều này chứng tỏ nhà thờ của gia đình bà N là nhà thờ tư gia, không phải nhà thờ của dòng họ. Từ năm 1959, khi về làm vợ ông Đinh Văn N1, bà N được các cụ kể lại là nhà thờ xây dựng năm 1919 do cụ cô Mục xây dựng. Việc ông S khai nhà thờ này là cụ Đinh Văn M, Đinh Văn N, Định Văn L đứng ra xây dựng là hoàn toàn sai sự thật, không có chứng cứ. Khi đó ông L (ông tổ của ông S) bị thực dân pháp bắt đi lính (từ năm 1915 đến năm 1920) không có mặt ở nhà để xây dựng nhà thờ. Do đó, nhánh của ông Đinh Văn S không liên quan gì đến nhà thờ của cụ cố tứ đại Đinh Văn M. Năm 1970, nhà thờ bị hư hỏng, gia đình bà N đã tiến hành tu sửa. Việc tu sửa không có ai đóng góp, không có việc họp họ để hỗ trợ kinh phí sửa nhà thờ. Nhà thờ được xây dựng trên đất của gia đình bà N là nhà thờ tư gia. Ông Đinh Văn N1 là đời thứ 4 được kế tục chăm nom, quản lý, sử dụng, đến nay truyền cho con trai bà N là anh Đinh Trung H1 là hoàn toàn

phù hợp với truyền thống tục lệ địa phương ngàn đời. Bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà N trình bày: năm 1983 đã xảy ra tranh chấp nhà thờ giữa Chi 2 họ Đinh và ông Đinh Văn N1. Tranh chấp này đã được Tòa án nhân dân huyện HL giải quyết. Qua thời gian và quá trình lưu trữ trước đây không tốt nên bà N không có bản án năm 1983. Tuy nhiên, bà N vẫn nhớ khi giải quyết nguyên đơn là các ông: Định Văn Tầng; Đinh Văn Lợi; Đinh Văn Bốn; Đinh Văn Hâng (đã mất). Bị đơn là ông Đinh Văn N1 (đã mất) tranh chấp quyền sử dụng đất nhà thờ tại thôn T, làng KV, xã NN, huyện Hoa Lư (nay là Thành phố NB), tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Ninh Bình).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ lien quan - chị Đinh Thị A trình bày:

Trước khi xảy ra việc hiến đất làm đường, chị A chỉ biết mẹ chị A (bà N) là con dâu trưởng trông coi và sử dụng mảnh đất hiện bà N đang ở. Khi xảy ra việc hiến đất chị A mới biết mảnh đất bà N đang ở mang tên anh H1 chị H2. Cá nhân chị A muốn mảnh đất này vẫn mang tên bà N để các con đi về hương khói cho ông N1 và gia đình được thuận lợi.

Anh Đinh Duy B trình bày: anh B chỉ biết toàn bộ mảnh đất mang tên bố mẹ anh B là ông Đinh Văn N1 bà An Thị N. Thời gian gần đây anh B mới biết mảnh đất đã được tách làm 2 thửa, một thửa mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N, một thửa mang tên anh Đinh Trung H1 chị Nguyễn Thị H2. Quan điểm của anh B là toàn bộ mảnh đất trên vẫn đứng tên bà N (vì ông N1 đã mất).

Ông Đinh Văn I trình bày: ông I là em con ông chú của ông Đinh Văn N1. Nhà ông I là hộ liền kề với nhà bà An Thị N. Khi Chi 2 họ Đinh xảy ra tranh chấp với bà N, anh H1 thì ông I mới được biết thửa đất của nhà thờ Chi 2 họ Đinh được mang tên Đinh Trung H1. Sơ đồ vị trí hiện trạng khu đất mà bà N chuyển nhượng cho anh H1 chị H2 có chữ ký của hộ liền kề Đinh Văn Y, nhưng ông I cho rằng chữ ký Đinh Văn Y trên văn bản này không phải là chữ ký ông I (bởi tên ông là I chứ không phải là Y). Khi bà N biết là đất nhà thờ mang tên anh H1, bà N rất bức xúc và mời Chi 2 họ Đinh đến họp để kêu cứu lấy nhà thờ. Bà N đã yêu cầu ông I xác nhận vào đơn xác nhận gửi Chủ tịch UBND thành phố NB. Bản thân ông I không tham gia để xác định mốc giới đất của gia đình anh H1 và ông I cũng không ký vào văn bản sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 17-10-2008 giữa người chuyển nhượng là Đinh Văn N1 và bà An Thị N với Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2. Ngày 07-11-2017, ông Đinh Văn I có đơn xác nhận gửi ông Chủ tịch UBND thành phố NB trình bày sự việc và cam đoan không ký vào bất ký giấy tờ nào liên quan đến đất này. Tại Bản tự khai ngày 07-01-2021 ông Đinh Văn I và vợ là bà Lê Thị L thể hiện quan điểm nhất trí với nội dung khởi kiện của ông Đinh văn S.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án về phía nguyên đơn gồm: ông Đinh Văn F, bà Lê Thị R, bà Lê Thị E, bà Đàm Thị G, ông Đinh Văn X, ông Đinh Văn Q, ông Đinh Văn C, ông Đinh Tiền D, bà Phạm Thị U, bà Đinh Thị P, bà Đỗ Thị Thanh O, bà Bùi Hương Y… đều thể hiện quan điểm

nhất trí với toàn bộ nội dung trình bày và khởi kiện của ông Đinh Văn S.

UBND thành phố NB có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1986: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 6b, thửa số 701, diện tích 285 m^2 đất thổ cư ghi tên N1 (ông N1 chồng bà N và là bố đẻ ông H1); tờ 6b thửa 712, diện tích 297 m^2, trong đó: thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2, ghi tên Tôn giáo.

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1997: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 6b, gồm 02 thửa là thửa số 701, diện tích 285 m^2 đất ở và thửa 712, diện tích 297 m^2 đất ở ghi tên N1.

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 2006: Vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 30, thửa số 184 diện tích 665,1 m^2 trong đó: đất ở 278, 2m^2, đất vườn 386 m^2 ghi tên N1.

- Theo bản đồ địa chính xã NN năm 2009: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 30, thửa số 184 diện tích 665,1 m^2 trong đó: đất ở 278,2 m^2, đất vườn 386 m^2 chủ sử dụng đất Đinh Văn N1.

1. Quá trình sử dụng đất:

Năm 1999, vị trí đất ông N1 sử dụng đã được UBND huyện Hoa Lư cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa: thửa 701, tờ 6B, diện tích 285 m^2 đất ở lâu dài; thửa 712, tờ 6B diện tích 297 m^2 đất ở lâu dài mang tên ông Đinh Văn N1.

Năm 2008, thực hiện dự án đo đạc chỉnh lý bản đồ cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình trên đại bàn xã NN. Hộ ông Đinh Văn N1 bà An Thị N kê khai theo hiện trạng sử dụng đất diện tích 665,1 m^2; trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2. Ngày 12-5-2008, gia đình ông N1 đã được UBND thành phố NB cấp đổi GCNQSD đất số AM 395823, diện tích 665,1 m^2, trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2 mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N.

Ngày 15-8-2008, ông Đinh Văn N1 bà An Thị N có đơn xin chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho anh Đinh Trung H1 và vợ là Nguyễn Thị H2 diện tích 468,3 m^2 thuộc thửa 184 tờ bản đồ 2009. Đơn được UBND xã NN xác nhận ngày 12/10/2008 và Phòng Q nguyên, Môi trường thành phố NB thẩm định ngày 17-10-2008.

Trên cơ sở hồ sơ liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất và kết quả thẩm định của Phòng Q nguyên và Môi trường, ngày 17-10-2008 UBND thành phố NB Ban hành Quyết định số 2515/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất ở cho hộ gia đình ông Đinh Trung H1 tại xã NN thành phố NB diện tích 468,3 m^2 đất ở thuộc thửa 184a, tờ bản đồ số 30 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2; cấp phần diện tích đất còn lại cho ông Đinh Văn N1 và vợ là An Thị N, diện tích 186,8 m^2 trong đó 106,8 m^2 đất ở và 80 m^2 đất vườn thuộc thửa 184, tờ bản đồ số 30 xã NN.

Như vậy, việc chia tách thửa đất và việc cấp GCNQSD cho các hộ gia đình sau khi chia tách đã được thực hiện đảm bảo theo quy định.

UBND xã NN, thành phố NB có ý kiến như sau:

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1986: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 6b, gồm 02 thửa là thửa số 701, diện tích 285 m^2 đất thổ cư ghi tên N1 (ông N1 chồng bà N và là bố đẻ ông H1) và thửa 712, diện tích 297 m^2, trong đó: thổ canh 120 m^2, thổ cư 177m^2, ghi tên Tôn giáo.

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1997: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 6b, gồm 02 thửa là thửa số 701, diện tích 285 m^2 đất ở; tờ 6b và thửa 712, diện tích 297 m^2 đất ở ghi tên N1. Hai thửa đất này đã được UBND huyện Hoa Lư cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M294485 ngày 07-8-1999.

- Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 2006: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 30, thửa số 184 diện tích 665,1 m^2 trong đó: đất ở 278,2 m^2, đất vườn 386 m^2 ghi tên N1.

- Theo bản đồ địa chính xã NN năm 2009: vị trí đất bà N ông H1 đang sử dụng thuộc tờ số 30, thửa số 184 diện tích 665,1 m^2. Trong đó: đất ở 278,2 m^2, đất vườn 386 m^2 chủ sử dụng đất Đinh Văn N1.

Ngày 27-4-2006 vợ chồng ông N1, bà N có di chúc thừa kế quyền sử dụng đất. Cán bộ địa chính và đại diện UBND xã NN đã xác nhận vào bản di chúc này.

Ngày 02-11-2006, vợ chồng ông N1, bà N có đơn xin hủy bỏ di chúc ngày 27-4-2006 (UBND xã đã vào sổ chứng thực, di chúc, từ chối nhận di sản số 01TP/CC-SCT/DCTC).

Ngày 17-10-2008, UBND thành phố NB đã thực hiện việc chia tách thửa đất 184, tờ bản đồ số 30 và cấp GCNQSDĐ cho ông Đinh Văn N1 bà An Thị N 186,8 m^2 thuộc thửa 184; GCNQSDĐ cho ông Đinh Trung H1 bà Nguyễn Thị H2 thửa 184a diện tích 468,3 m^2.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21-12-2018 của Tòa án nhân dân thành phố NB tại thửa 184 và 184a thể hiện:

Thửa đất 184, tờ bản đồ số 30, GCNQSDĐ mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N hiện tại bà N đang sử dụng có kích thước thực tế như sau: phía Đông giáp đất bà L, ông I dài 10 m; phía Tây giáp đường dài 10 m; phía Nam giáp đất anh H1 dài 18,3 m; phía Bắc giáp đường ngõ dài 18,06 m; diện tích 181,7 m^2.

Thửa đất 184a, tờ bản đồ số 30, GCNQSDĐ mang tên ông Đinh Trung H1, bà Nguyễn Thị H2 hiện tại bà N đang ở có kích thước thực tế như sau: phía Đông giáp đất bà L ông I, ngõ đi dài 22,66 m; phía Tây giáp đường dài 9,2 m + 6,1 m + 12,9 m = 28,2 m; phía Nam giáp đường dài 12,3 m + 2,8 m; phía Bắc giáp đất bà N dài 18,3 m; diện tích 457 m^2. Trên phần đất này có nhà thờ kích thước: 8 m X 5,6 m = 44,8 m^2 là loại nhà một tầng mái chảy (kiểu nhà cổ), có 4

hàng cột, đường kính cột >20c m có trạm trổ hoa văn, xây dựng từ năm 1919 (nhà gỗ nhóm 1), trên Thượng Lương khắc chữ nho theo trình bày của bà N là dòng chữ "Hoàng triều Khải Định tứ niên, tuế thứ Kỷ Mùi, bát nguyệt, sơ lục nhật, thụ trụ thượng lương đại cát". Bà N trình bày gia đình bà N đã sửa chữa nhà phần mái năm 1970.

Tường bao quanh hai thửa đất nói trên cụ thể: tường phía Bắc dài 18,06 m cao 2 m trong đó xây đá cao 2 m, xây gạch bi cao 1 m; tường phía Nam dài 12,3 m + 2,8 m; cao 2 m (xây đá cao 1 m, gạch bi cao 1 m); tường phía Tây: phía đằng nhà mái bằng anh H1 đến trụ cổng tường cao 2 m. Trong đó xây đá cao 1 m, gạch bi 1 m; tường phía Tây tính từ mép trụ cổng thẳng với nhà thờ và nhà cấp 4 có chiều cao 2 m xây gạch bi; cổng sắt cao 2 m, rộng 2 m có trụ cổng, lợp ngói cổng.

Tại Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 24-12-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã áp dụng vào Điều 5, Điều 8, Điều 211, Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 31 Luật đất đai năm 1993; Điều 100, Điều 160, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; các khoản 1, 3 Điều 34; Điều 37, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05-3-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn S. Buộc vợ chồng anh Đinh Trung H1, chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích đất là 269 m^2 tại thửa đất 184a, tờ bản đồ số 30 lập năm 2008 tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Diện tích đất có tứ cận cụ thể như sau: phía Bắc giáp thửa đất 184 của ông N1, bà N; phía Nam giáp móng nhà của anh H1, chị H2; phía Đông giáp thửa đất 183 của ông Đinh Văn I; phía Tây giáp đường giao thông (có sơ đồ kèm theo).

Công nhận nhà một tầng mái chảy (kiểu nhà cổ), xây dựng từ năm 1919, trên thượng lương khắc chữ dòng chữ "Hoàng Triều Khải Định tứ niên Tuế thứ Kỷ Mùi bát nguyệt sơ lục nhật thụ trụ thượng lương đại cát" là tài sản chung của dòng họ Chi 2 họ Đinh, thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Buộc ông Đinh Văn S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía ông S (Chi 2 họ Đinh) phải thanh toán cho bà An Thị N, anh Đinh Trung H1, chị Đinh Thị A, anh Đinh Duy B số tiền giá trị các tài sản trên đất được là 4.656.325 đồng và công sức duy trì tôn tạo ngôi nhà thờ và quyền sử dụng đất là 35.560.000 đồng. Tổng cộng là 40.216.325 đồng. Làm tròn số là 40.216.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Dòng họ Chi 2 họ Đinh, thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình được quyền sử dụng diện tích đất là 269 m^2 tại thửa đất 184a, tờ bản đồ số 30 lập năm 2008 tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình và được sở hữu các tài sản trên đất.

Đề nghị Ủy Ban nhân dân thành phố NB, tỉnh Ninh Bình xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đinh Trung H1 và chị Nguyễn Thị H2 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Dòng họ Chi 2 họ Đinh, thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29-12-2021, bà An Thị N kháng cáo và ngày 07-01-2022, anh Đinh Trung H1 kháng cáo đều có nội dung đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là anh Đinh Trung H1 và bà An Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lí do: diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cá thể, hộ gia đình anh do các cụ để lại thừa kế qua nhiều đời nay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đất của tập thể, cộng đồng dòng họ, chi họ nên buộc gia đình anh trả lại diện tích đất cho Chi 2 họ Đinh quản lí, sử dụng là không đúng.

Nguyên đơn là ông Đinh Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía Chi 2 họ Đinh đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H1 và bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng

Về tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn

Theo biểu đồ gia phả Chi 2 họ Đinh tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình xuất phát từ cụ Đinh Văn . Cụ B là cụ tổ đời thứ 4 của Họ Đinh. Cụ B có hai người con trai là cụ Đinh Văn và cụ Đinh Văn T (đời thứ 5). Cụ Chương có hai người con trai là cụ Đinh Văn M và Đinh Văn N (đời thứ 6). Cụ Đinh Văn T có người con trai là cụ Đinh Văn L (đời thứ 6). Ông Đinh Văn S là con trai đời thứ 8 của Họ Đinh là cháu trực hệ của cụ L (đời thứ 6). Do đó, theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 01/2020 NQ-HĐTP ngày 05-3-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì ông S là thành viên dòng họ

Chi 2 họ Đinh nên có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về tài sản chung của dòng họ Chi 2 họ Đinh tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Chi 2 họ Đinh tranh chấp tài sản là nhà thờ và một phần quyền sử dụng đất có diện tích 297 m^2 tại thửa 184a diện tích 468,3 m^2 đất ở mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2 tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình có nguồn gốc là thửa đất 712, tờ bản đồ số 6b, xã NN năm 1986. Tranh chấp đã được UBND xã NN hòa giải nhưng không thành nên ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H1, chị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích đất là 269 m^2 có nguồn gốc là thửa đất 712, tờ bản đồ số 6b, mục đích sử dụng được ghi trên bản đồ và sổ mục kê năm 1986 là đất Tôn giáo. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đinh Văn N1 và An Thị N tại thửa đất 184 tờ bản đồ 30 thuộc bản đồ địa chính xã NN diện tích 665,1 m^2 do UBND thành phố NB cấp ngày 04-5-2008; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 2515/QĐ-UBND của UBND thành phố NB ngày 17-10-2008 tại thửa 184 tờ bản đồ số 30 diện tích 186,8 m^2 mang tên Đinh Văn N1 và An Thị N; hủy GCNQSD đất theo quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 17-10-2008 tại thửa đất 184a tờ bản đồ số 30 diện tích 468,3 m^2 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2. Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lí, giải quyết vụ án là đúng.

Bà An Thị N cho rằng tranh chấp đã được giải quyết tại Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư vào năm 1983. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư đã có văn bản xác định các năm 1982, 1983 và 1984, Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư không thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp nào liên quan giữa Chi 2 họ Đinh thôn T xã NN và gia đình bà N. Mặt khác, bà N cũng không xuất trình chứng cứ để khẳng định sự việc đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực của Tòa án; do đó, lời khai của bà N là không có cơ sở để khẳng định sự việc đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về nội dung

Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng diện tích 297 m^2 tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình có nguồn gốc là thửa đất 712, tờ bản đồ số 6, xã NN năm 1986, trong đó: thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2, ghi tên tôn giáo. Trên diện tích đất này có nhà thờ kích thước: 8 m x 5,6 m = 44,8 m^2. Nhà một tầng mái chảy (kiểu nhà cổ). Nhà có 4 hàng cột, đường kính cột >20 cm có trạm trổ hoa văn. Nhà xây dựng từ năm 1919 (nhà gỗ nhóm 1). Trên thượng lương khắc chữ nho theo khẳng định của bà N là dòng chữ "Hoàng Triều Khải Định tứ niên Tuế thứ Kỷ Mùi bát nguyệt sơ lục nhật thụ trụ thượng lương đại cát"(sau đây viết tắt là nhà thờ).

Đối với yêu cầu khởi kiện về tài sản là nhà thờ:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nhà thờ được xây dựng vào năm 1919 do cụ Mục là trưởng nam đời thứ 6 thuộc Chi 2 họ Đinh xây dựng để thờ cúng tổ tiên và được truyền lại cho con cháu là con trai trưởng từ đó đến nay. Ông Đinh Văn N1 là trưởng nam đời thứ 9

thuộc Chi 2 họ Đinh khi còn sống là người trực tiếp quản lý tài sản này. Tại biên bản giải quyết tranh chấp nhà thờ họ Đinh ngày 13-5-1983 đã thể hiện ý kiến của ông N1 thừa nhận khuyết điểm: đã tự động san hè nhà thờ; tự động đục cửa qua hồi nhà thờ xuống nhà ở. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định ngôi nhà xây dựng từ năm 1919 (nhà gỗ nhóm 1). Trên thượng lương khắc chữ nho theo trình bày của bà N là dòng chữ "Hoàng Triều Khải Định tứ niên tuế thứ Kỷ Mùi bát nguyệt sơ lục nhật thụ trụ thượng lương đại cát" là nhà thờ của dòng họ Chi 2 họ Đinh theo D tục tập quán thờ cúng tổ tiên của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N, chị A, anh B cho rằng đó là nhà thờ tư gia của gia đình ông N1, bà N là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền sử dụng đất:

Theo các tài liệu, chứng cứ do cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai ở địa phương cung cấp, có đủ căn cứ xác định:

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1986 thửa 712, tờ bản đồ 6b diện tích 297 m^2 (trong đó: thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2) ghi tên Tôn giáo.

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1997 tờ số 6b, thửa 712, diện tích 297 m^2 đất ở ghi tên N1, vị trí đất này đã được UBND huyện Hoa Lư cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở lâu dài mang tên ông Đinh Văn N1 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02 QSDĐ ngày 07-8-1999.

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 2006, vị trí đất đất này thuộc tờ số 30, thửa số 184 diện tích 665,1 m^2 trong đó: đất ở 278,2 m^2, đất vườn 386 m^2 ghi tên N1.

Năm 2008, thực hiện dự án đo đạc chỉnh lý bản đồ cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình trên địa bàn xã NN. Ông Đinh Văn N1 bà An Thị N kê khai theo hiện trạng sử dụng đất diện tích 665,1 m^2; trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2. Ngày 12-5-2008, gia đình ông N1 đã được UBND thành phố NB cấp đổi GCNQSD đất số AM 395823, diện tích 665,1 m^2, trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2 mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N. Ngày 15-8-2008, ông Đinh Văn N1 bà An Thị N có đơn xin chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho anh Đinh Trung H1 và vợ là chị Nguyễn Thị H2 diện tích 468,3 m^2 thuộc thửa 184 tờ bản đồ 2009. Đơn này đã được UBND xã NN xác nhận ngày 12-10-2008 và Phòng Q nguyên Môi trường thành phố NB thẩm định ngày 17-10-2008. Ngày 17-10-2008 UBND thành phố NB Ban hành quyết định số 2515/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất ở cho hộ gia đình anh Đinh Trung H1 tại xã NN thành phố NB diện tích 468,3 m^2 đất ở thuộc thửa 184a, tờ bản đồ số 30 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2; cấp phần diện tích đất còn lại cho ông Đinh Văn N1 và vợ là An Thị N, diện tích 186,8 m^2 trong đó 106,8 m^2 đất ở và 80 m^2 đất vườn thuộc thửa 184, tờ bản đồ số 30 xã NN.

Ngoài ra, tại văn bản có tiêu đề là đề nghị xác nhận quyền quản lý và sử dụng đất nhà thờ Chi 2 họ Đinh đề ngày 04-01-1984 được UBND xã NN chứng thực ngày 07-4-1984, cán bộ quản lý ruộng đất Hợp tác xã KV đã công nhận thửa đất số 712 với diện tích 297 m^2 là diện tích mang tên Tôn giáo (đất của họ) trong sổ mục kê giải

thửa và bản đồ là như nhau, phù hợp với bản đồ địa chính và sổ mục kê xã NN năm 1986.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là thửa 712, diện tích 297 m^2 (trong đó: thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2) ghi tên Tôn giáo, tờ số 6b, năm 1986 thuộc quyền sử dụng của dòng họ Chi 2 họ Đinh.

Để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần xem xét đến tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở lâu dài mang tên ông Đinh Văn N1 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02 QSDĐ ngày 07-8-1999 thửa 712, tờ bản đồ 6b, diện tích 297 m^2 của UBND huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. GCNQSD đất số AM 395823, diện tích 665,1 m^2, trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2 mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N và GCNQSD đất ở cho hộ gia đình ông Đinh Trung H1 tại xã NN thành phố NB diện tích 468,3 m^2 đất ở thuộc thửa 184a, tờ bản đồ số 30 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cung cấp các tài liệu liên quan đến biến động đất đai của thửa đất thửa 712, diện tích 297 m^2 tờ bản đồ số 6b năm 1986 từ đất Tôn giáo sang người sử dụng đất là ông Đinh Văn N1 năm 1997 nhưng không có tài liệu lưu trữ nào. UBND xã NN khẳng định quá trình thực hiện Luật đất đai năm 1993, các hộ gia đình tự kê khai và xã ghi vào sổ địa chính. Mặt khác, các đương sự cũng không xuất trình được chứng cứ về việc chuyển đổi từ đất Tôn giáo sang người sử dụng đất là ông Đinh Văn N1. Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở lâu dài mang tên ông Đinh Văn N1 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02 QSDĐ ngày 07-8-1999 đối với thửa 712, diện tích 297 m^2 đất ở của UBND huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là không có căn cứ. Từ đó dẫn đến việc cấp GCNQSD ngày 12-5-2008, diện tích 665,1 m^2, trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2 mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N bao gồm cả thửa 712, tờ bản đồ 6b năm 1986 diện tích 297 m^2 có nguồn gốc sử dụng là sử dụng trước năm 1980 là không chính xác sai với sổ mục kê năm 1986. Tuy nhiên, hai GCNQSDĐ này đến nay đã hết hiệu lực được thay thế bằng GCNQSD vào sổ cấp GCNQSDĐ số 52CL-NNQSDĐ/2515/QĐ-UBND ngày 17-10-2008, thửa 184, tờ bản đồ số 30 diện tích 186,8 m^2, trong đó đất ở 106,8 m^2; đất vườn 80 m^2 mang tên ông Đinh Văn N1 bà An Thị N và GCNQSDĐ số 51CL-NNQSDĐ/2515/QĐ-UBND ngày 17-10-2008, thửa 184a, tờ bản đồ số 30, diện tích 665,1 m^2, trong đó đất ở 278,2 m^2; đất vườn 386,9 m^2 mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2 dựa trên Đơn xin chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 15-8-2008 của ông Đinh Văn N1 bà An Thị N.

Diện tích 297 m^2 thửa đất 712, tờ bản đồ số 6b, xã NN năm 1986 (trong đó: thổ canh 120 m^2, thổ cư 177 m^2) ghi tên Tôn giáo nay là một phần thửa 184a diện tích 468,3 m^2 đất ở mang tên Đinh Trung H1 và Nguyễn Thị H2. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Đinh Trung H1 và chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại diện tích đất có nguồn gốc thửa đất 712, tờ bản đồ số 6b, xã NN năm 1986 ghi tên Tôn giáo cho Chi 2 họ Đinh mà không cần thiết phải hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đề nghị của nguyên đơn. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cơ quan quản lý nhà nước về đất đai sẽ điều chỉnh biến động quyền sử

dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho các đương sự theo quyết định của bản án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn đã xác định năm 2017, thôn T, xã NN tiến hành mở rộng đường đổ bê tông nên diện tích đất theo bản đồ cũ thửa 712 không còn như cũ mà thiếu mất 28 m^2. Tổng diện tích đất còn lại là 269 m^2. Ngôi nhà mái bằng mà gia đình bà N đang sử dụng lại nằm trên thửa 712. Do đó, sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện hoán đổi toàn bộ quyền sử dụng đất phía Nam nhà thờ về phía Bắc nhà thờ cho Chi 2 họ Đinh và buộc vợ chồng anh H1, chị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích đất là 269m^2. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với thực tế sử dụng đất và bảo đảm được giá trị của tài sản trên đất do đó được chấp nhận.

Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 21-12-2018 của Tòa án nhân dân thành phố NB thể hiện tài sản trên diện tích đất 269 m^2 có các tài sản gồm: nhà thờ diện tích 44,8 m^2; một phần ngôi nhà cấp 4 đã hư hỏng phần mái không còn giá trị sử dụng, không có người ở; 02 bể nước (Bể nước số 1, xây dựng năm 1970, thể tích 2,7 m^3 có giá trị 1.607.000 đồng, bể nước số 2, thể tích 3,6 m^3 có giá trị 2.197.000) đồng; 13,3 m tường bao xây gạch bi cao 2 m rộng 0,2 m có giá trị 3.811.000 đồng; 01 cổng sắt 4 m^2 có giá trị 858.352 đồng và một số tàiQ sản khác không có giá trị của ông N1, bà N. Tổng số tài sản trên đất (không kể nhà thờ) là 8.473.352 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tài sản này là 4.656.325 đồng là không chính xác.

Các đương sự khẳng định các tài sản trên đất là của ông N1, bà N và thừa nhận quá trình quản lý nhà thờ ông N1, bà N cũng có công sức duy tu, bảo dưỡng nhà thờ và quyền sử dụng đất nên cần buộc nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn (Chi 2 họ Đinh) phải thanh toán cho ông N1, bà N số tiền giá trị các tài sản trên đất là 8.473.532 đồng và 20% giá trị ngôi nhà thờ là 35.560.000 đồng là khoản tiền công sức duy tu, bảo dưỡng nhà thờ và quyền sử dụng đất. Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn (Chi 2 họ Đinh) phải thanh toán cho ông N1, bà N số tiền tổng cộng là 44.033.352 đồng.

Về chi phí thẩm định giá nguyên đơn tự nguyện nộp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với các lí do nêu trên, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự liên quan đến các nội dung kháng cáo là có căn cứ và hợp lí, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các đương sự theo quy định. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H1 và bà N.

[3]. Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: anh H1 phải nộp án phí phúc thẩm. Bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Giữ nguyên Bản án số 02/2021/DS-ST ngày 24-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau:

Áp dụng vào Điều 5, Điều 8, Điều 211, Điều 221 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 31 Luật đất đai năm 1993, Điều 100, Điều 160, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; các khoản 1,3 Điều 34; Điều 37, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05-3-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn S. Buộc vợ chồng anh Đinh Trung H1, chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại cho dòng họ Chi 2 họ Đinh diện tích đất là 269 m^2 tại thửa đất 184a, tờ bản đồ số 30 lập năm 2008 tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Diện tích đất có tứ cận cụ thể như sau: phía Bắc giáp thửa đất 184 của ông N1, bà N; phía Nam giáp móng nhà của anh H1, chị H2; phía Đông giáp thửa đất 183 của ông Đinh Văn I; phía Tây giáp đường giao thông (có sơ đồ kèm theo).

Công nhận nhà một tầng mái chảy (kiểu nhà cổ), xây dựng từ năm 1919, trên thượng lương khắc chữ dòng chữ "Hoàng Triều Khải Định tứ niên Tuế thứ Kỷ Mùi bát nguyệt sơ lục nhật thụ trụ thượng lương đại cát" là tài sản chung của dòng họ Chi 2 họ Đinh, thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Buộc ông Đinh Văn S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía ông S (Chi 2 họ Đinh) phải thanh toán cho bà An Thị N, anh Đinh Trung H1, chị Đinh Thị A, anh Đinh Duy B số tiền giá trị các tài sản trên đất được là 8.473.352 đồng và công sức duy trì tôn tạo ngôi nhà thờ và quyền sử dụng đất là 35.560.000 đồng. Tổng cộng là 44.033.352 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Dòng họ Chi 2 họ Đinh, thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình được quyền sử dụng diện tích đất là 269 m^2 tại thửa đất 184a, tờ bản đồ số 30 lập năm 2008 tại thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình và được sở hữu các tài sản trên đất.

Đề nghị Ủy Ban nhân dân thành phố NB, tỉnh Ninh Bình xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đinh Trung H1 và chị Nguyễn Thị H2 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Dòng họ Chi 2 họ Đinh, thôn T, xã NN, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Anh Đinh Trung H1 phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận anh H1 đã nộp số tiền này ngày 10-01-2022, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam